

Bản án số: 27/2020/HS-ST

Ngày 29-9- 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Quang.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Như Huân;

Ông Lê Anh Tuấn.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Huyền Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung H (tên gọi khác Nguyễn Như H), sinh năm 1966 tại xã T, huyện L, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị S (đều đã chết); có vợ Trần Thị N và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, giam giữ ngày 29 tháng 5 năm 2020; có mặt.

**- Bị hại:**

Chị Trần Thị H1, sinh năm 1986;

Bà Đặng Thị P, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

Chị Trần Thị Vân, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Xóm L thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

Chị Bùi Thị C;

Ông Triệu Trọng N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2012 Tổ tiết kiệm và vay vốn xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định họp bầu Nguyễn Trung H làm Tổ trưởng và được Ủy ban nhân dân xã T phê duyệt. Tại họp đồng ủy nhiệm giữa Ngân hàng chính sách xã hội với Tổ tiết kiệm và vay vốn xóm M, H đại diện với vai trò Tổ trưởng được Ngân hàng uỷ nhiệm một số công việc, trong đó có việc đôn đốc người vay sử dụng tiền đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi theo kế hoạch đã thỏa thuận. Quá trình thực hiện nhiệm vụ từ năm 2012 đến năm 2016, H đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các tổ viên trong Tổ tiết kiệm và vay vốn; ngoài ra bằng thủ đoạn gian dối, H còn chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

***Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:***

***Vụ thứ nhất:*** Năm 2010 chị Trần Thị H1, sinh năm 1986; trú tại: Xóm M, xã T vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện L để lắp nước sạch và xây dựng công trình vệ sinh trong gia đình với số tiền 8.000.000đồng tại sổ vay vốn mã khách hàng 070788 xác nhận vay vào ngày 04/11/2010 với lãi suất 0,9%/tháng; ngoài ra chị H1 còn nhờ bố chồng là ông Triệu Trọng N, sinh năm 1958 cùng ở xóm M đứng tên vay hộ 8.000.000đồng tại sổ vay vốn mã khách hàng 070786 xác nhận vay vào ngày 05/11/2010 với lãi suất 0,9%/tháng. Hồ sơ vay vốn của chị H1 và ông N được Ngân hàng chính sách xã hội huyện L phê duyệt cho vay tổng số 16.000.000đồng, thời hạn chị H1 và ông N trả nợ Ngân hàng cuối cùng vào ngày 21/10/2015. Khoảng tháng 9/2012 do không còn nhu cầu sử dụng vốn vay, chị H1 đã đến nhờ H thu và nộp hộ trả Ngân hàng số tiền gốc 16.000.000đồng mà chị và ông N đã vay. Lợi dụng sự tin tưởng và thiếu hiểu biết của chị H1, sau khi nhận 16.000.000đồng của chị H1, H đã không trả Ngân hàng mà giữ lại sử dụng. Để tránh bị lộ, hàng tháng H vẫn trả lãi đối với khoản vay của chị H1 và ông N về Ngân hàng. Khi hợp đồng vay vốn của chị H1 và ông N đến hạn phải trả toàn bộ nợ gốc 16.000.000đồng, H đã nộp 4.000.000đồng vào Ngân hàng để trả trước cho khoản vay của ông N và làm giả thủ tục đề nghị Ngân hàng gia hạn nợ thêm 01 năm đối với khoản vay 8.000.000đồng của chị H1 và 4.000.000đồng của ông N, thời hạn trả nợ cuối cùng của 02 khoản vay này là ngày 12/11/2016 (chị H1 và ông N đều ký vào giấy đề nghị gia hạn vay vốn nhưng không biết việc H tự làm thủ tục gia hạn vay nợ). Tháng 4/2016 H nghỉ và bàn giao chức Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn xóm M, xã T lại cho ông Trần Sỹ L, sinh năm 1975 cùng trú tại xóm M, xã T. Sau khi tiếp nhận công việc, ông L đến thu tiền lãi khoản vay Ngân hàng của chị H1 và ông N thì chị H1 mới biết việc H không trả hộ số tiền mình đã gửi trả cho Ngân hàng. Chị H1 đã đến gặp H và được H viết giấy biên nhận cam kết sẽ trả tiền cho chị H1 tại Ngân hàng khi đến hạn trả nợ là ngày 12/11/2016 nhưng đến tháng 5/2016 H đã bỏ trốn khỏi địa phương và chiếm đoạt số tiền 12.000.000đồng của chị H1. Ngày 23/6/2016 chị H1 có đơn trình báo sự việc trên đến Công an huyện L. Ngày 09/4/2018 chị H1 đã phải nộp trả số tiền 12.000.000đồng khoản nợ của chị H1 và ông N cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

*Vụ thứ hai:* Cùng với phương thức thủ đoạn như trên, ngày 18/5/2012 bà Đặng Thị P, sinh năm 1965; trú tại: Xóm M, xã T, huyện L đã vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 8.000.000đồng với mục đích để lắp nước sạch và xây dựng công trình vệ sinh trong gia đình, thời hạn trả nợ là ngày 21/4/2017. Khoảng tháng 4/2013 do không còn nhu cầu sử dụng vốn nên bà P đã đến nhờ H thu và nộp hộ số tiền trên về Ngân hàng chính sách xã hội huyện L. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của bà P, H đã không nộp về Ngân hàng mà giữ lại sử dụng. Để không bị phát hiện, hàng tháng H vẫn nộp tiền lãi đối với khoản vay của bà P về Ngân hàng. Tháng 5/2016 H bỏ trốn khỏi địa phương và chiếm đoạt số tiền 8.000.000đồng của bà P. Ngày 28/5/2016 bà P có đơn trình báo sự việc đến Công an xã T. Ngày 24/6/2016 Công an huyện L lập biên bản tiếp nhận tin tố giác, tin báo về tội phạm của bà P về việc bị H chiếm đoạt 8.000.000đồng. Ngày 06/4/2018 bà P phải nộp trả số tiền 8.000.000đồng đã vay vào Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

***Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:***

Năm 2016 do vay tiền của nhiều người nhưng không có khả năng trả nợ nên H đã bàn bạc với vợ là Trần Thị N đi vay tiền của người khác để trả nợ. Sau khi vợ chồng thống nhất nói dối lý do vay tiền là để lo cho con đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, N đã nhờ chị Bùi Thị C, sinh năm 1993 trú tại: Xóm 18, xã H, huyện N, tỉnh Hà Nam giới thiệu chỗ cho vay. Chị C giới thiệu vợ chồng H, N đến vay tiền của chị chồng là chị Trần Thị V, sinh năm 1982 trú tại: Xóm L, thôn B, xã T, huyện L. Ngày 30/3/2016 H và N đến nhà chị V hỏi vay tiền và nói dối chị V là vay lo cho con đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Được chị V tin và đồng ý cho vay số tiền 40.000.000đồng, H đã viết giấy biên lai vay tiền và vợ chồng cùng ký nhận hẹn đến cuối tháng 10/2016 sẽ trả nợ. Sau khi nhận được tiền của chị V, đến tháng 5/2016 H và N bỏ trốn khỏi địa phương và chiếm đoạt số tiền trên của chị V.

Sau khi vợ chồng H, N bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Công an huyện L đã tiếp nhận tố giác của các bị hại và tiến hành xác minh khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định truy nã đối với H và N. Ngày 07/7/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã ra quyết định trưng cầu giám định số 55 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định tiến hành giám định tự dạng chữ viết, chữ ký của H và N trong biên lai vay tiền. Tại kết luận giám định số 792 ngày 15/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định xác định chữ ký, chữ viết trong các tài liệu gửi giám định là của N và H. Ngày 29/5/2020 H bị bắt tại ấp T, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài hành vi của H, N như trên, năm 2016 Công an huyện Mỹ Lộc còn tiếp nhận tố giác kèm theo một số giấy biên nhận vay mượn tiền của H và N với các hộ dân khác. Hiện N vẫn đang lẩn trốn nên Công an huyện Mỹ Lộc đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 02 ngày 20/8/2020 đối với N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tách hành vi vay mượn tiền giữa H và N với các hộ dân khác để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trung H khai nhận toàn bộ việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại và bỏ trốn sau đó bị bắt như trên. Các

bị hại chị H1, bà P, chị V đều yêu cầu H phải trả lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt.

Bản cáo trạng số 23/CT - VKSML ngày 09/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Trung H (tên gọi khác Nguyễn Như H) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; xác định bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Trung H thành khẩn khai nhận rõ việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố; xác nhận kết luận giám định chữ viết của mình là đúng; bản thân bị truy tố là không oan và xin nhận trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội. Bị hại chị H1, bà P đề nghị Toà án xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; căn cứ áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội từ 45 đến 54 tháng tù; buộc bị cáo phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại. Bị cáo không tranh luận, có lời nói sau cùng xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội và xin chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Lộc cũng như Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc cũng như Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo, bị hại cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy lời khai bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại; kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định cũng như toàn bộ lời khai bị cáo tại Cơ quan điều tra. Từ các tình tiết chứng cứ này đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2016, với vai trò là Tổ trưởng Tổ vay vốn và tiết kiệm xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định, Nguyễn Trung H không được phép thu hồi vốn vay nhưng lợi dụng sự tín nhiệm và tin tưởng của các Tổ viên đã nhận vốn vay của họ gửi trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện L rồi bằng thủ đoạn gian dối, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt 12.000.000đ của chị Trần Thị H1 và 8.000.000đ của bà Đặng Thị P. Ngoài ra ngày 30/3/2016, bằng thủ đoạn gian dối Nguyễn Trung H đã chiếm đoạt 40.000.000đ của chị Trần Thị V ở Xóm L, thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trung H là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện nhiều lần chiếm đoạt tài sản của nhiều người và bằng nhiều phương thức khác nhau. Điều đó thể hiện sự liều lĩnh táo bạo, bất chấp dư luận và coi thường pháp luật của bị cáo. Hành vi đó không những gây bất bình, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người bình thường về thể chất và tâm thần, nhận thức rõ được những việc làm sai trái vi phạm pháp luật thì lẽ ra phải biết tu dưỡng, rèn luyện và lao động hữu ích để tạo ra của cải vật chất cho gia đình, xã hội. Nhưng trái lại, với ý thức lười lao động lại muốn có thu nhập để hưởng thụ nên bị cáo đã bằng nhiều thủ đoạn khác nhau để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi đó của bị cáo là vi phạm pháp luật nhà nước, trái với đạo đức xã hội. Vì vậy, bị cáo sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ bị xâm phạm, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, hậu quả nguy hại cho xã hội thì việc cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục là thỏa đáng; đồng thời cũng mới đáp ứng được yêu cầu răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét hành vi phạm tội của bị cáo ngoài tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 thì quá trình khai báo bị cáo đã thành khẩn, ăn năn hối cải đó là tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét vận dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước. Xét mức án Viện kiểm sát đề nghị áp dụng để cải tạo bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận

với đề nghị này và sẽ cân nhắc để ấn định một mức án cụ thể, đủ để cải tạo bị cáo thành công dân có ích.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị H1, bà Đặng Thị P, chị Trần Thị V đều yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt, do đó buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H (tên gọi khác Nguyễn Như H) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 ; điểm g khoản 1 Điều 48 (đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) và Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo H 20 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 27 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 47 (bốn bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ, ngày 29 tháng 5 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999;

Buộc bị cáo H phải trả lại chị Trần Thị H1 là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); bà Đặng Thị P 8.000.000đ (tám triệu đồng); chị Trần Thị V 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

Án phí dân sự trong vụ án hình sự: Bị cáo phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Đối với khoản tiền phải thi hành án trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà bị cáo không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Trại giam CA tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quang**